

Bản án số: 273/2026/DS-PT
Ngày 16/9/2026
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường và ông Nguyễn Hồng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Na - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2025/TLPT-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2026, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hải Phòng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 274/2025/QĐXXPT-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐ-PT, ngày 22 tháng 01 năm 2026; Thông báo mở lại phiên tòa số 67/2026/TB-TA, ngày 27 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 382/2026/QĐ-PT, ngày 11 tháng 9 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn H C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lã Viết N và ông Lê Ngọc T1 - Luật sư Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ trụ sở: Tầng B, số nhà A B, phường H, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Duy K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thúy H - Luật sư Công ty TNHH H6, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Hải M, sinh năm 1961; địa chỉ: Số F D, phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn M, đặc khu C, thành phố

Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà A, thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hải H1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số E, CT3, A2, T, phường G, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1973; địa chỉ: Số H V, khu T, phường H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Lê Thị N1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Lê Văn T3; sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn H2, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn D C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn M1, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn D C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị M2, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A Lô F, tổ dân phố C, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T4, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Lê Công K1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Lê Như K2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị M3, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn I C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn G C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Lê Hoàng N2, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn G C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Lê Hoàng Quỳnh A, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn G C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Lê Minh N3, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh T5, sinh năm 1985; địa chỉ: Số C, phường X, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn H, C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và nội dung kháng cáo:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn (bà Lê Thị T) và người đại diện hợp pháp trình bày: Bố mẹ bà T là cụ Lê Thị L1 (chết năm 1996) và cụ Lê Văn T6 (chết năm 1956) có 06 con chung là: Lê Thị K3 (chết năm 2018), Lê Thị R (chết năm 2016), Lê Thị P (chết năm 2022), Lê Thị T (sinh năm 1950), Lê Công K1 (sinh năm 1952) và Lê Văn K4 (chết năm 2009).

Bà Lê Thị K3 có chồng là ông Nguyễn Trọng L2 (chết năm 1979) và các con là: Nguyễn Thị Hải M, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị Hải H1, Nguyễn Trọng T2 và Nguyễn Thị Á.

Bà Lê Thị R có chồng là ông Lê Văn L3 (chết năm 2013) và các con là: Lê Thị N4 (chết năm 2022, chồng bà N4 là ông Lê Minh T7, chết năm 2013, các con là: Lê Minh N3 và Lê Thanh T5), Lê Thị N1, Lê Văn T3, Lê Văn S (chết năm 2007, có vợ Nguyễn Thị L4, các con là: Lê Hoàng N2 và Lê Hoàng Quỳnh A).

Bà Lê Thị P chết năm 2022, có chồng là Vũ Văn B, chết năm 2022, các con là: Lê Văn H4, Vũ Văn M1, Vũ Thị M2, Vũ Thị T4, Vũ Thị H3.

Ông Lê Văn K4 chết năm 2009, vợ thứ nhất là bà Bùi Thị H5, con là Lê Thị M3, Lê Như K2; vợ thứ hai là Phạm Thị Đ, chết năm 2007, có con là Lê Duy K.

Năm 1990, cụ L1 nhận chuyển nhượng từ bà T và chồng là ông Vũ Văn K5 (chết năm 2023) thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, Hải Phòng, trên giấy tờ chuyển nhượng không ghi rõ diện tích đất, trên đất có phần móng nhà và một gian nhà diện tích khoảng 16m² bằng giấy viết tay có xác nhận của Chủ tịch UBND thị trấn C. Trong thời gian cụ L1 còn sống, vợ chồng ông Lê Văn K4 và con ở cùng trên thửa đất trên. Sau khi cụ L1 và ông Lê Văn K4 chết, anh Lê Duy K (con ông Lê Văn K4) quản lý thửa đất. Năm 2018, ông Vũ Văn K5 đã khởi kiện anh Lê Duy K tại Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST, ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn K5 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng và Bản án số 06/DS-PT, ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Như vậy, căn cứ nội dung bản án và kết quả giải quyết vụ án trên, cụ Lê Thị L1 là chủ sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Cụ L1 chết năm 1997, không để lại di chúc nên tài sản trên là

di sản thừa kế của cụ L1 để lại. Hiện anh K đang quản lý và không đồng ý chia và tranh chấp với bà T và các em, các cháu bà T.

Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị L1 là quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, Hải Phòng theo quy định của pháp luật cho những người được hưởng thừa kế bao gồm: Bà Lê Thị T, ông Lê Công K1, Nguyễn Thị Hải M, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị Hải H1, Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Thị Á, Lê Minh N3, Lê Thanh T5, Lê Thị N1, Lê Văn T3, Vũ Thị L, Lê Hoàng N2, Lê Hoàng Quỳnh A, Vũ Văn H2, Vũ Văn M1, Vũ Thị M2, Vũ Thị T4, Vũ Thị H3, Lê Duy K, Lê Như K2, Lê Thị M3 (tổng cộng 23 người).

Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện C: Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49 diện tích 89,8m², địa chỉ tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng trị giá 1.212.300.000 đồng; giá trị tài sản trên đất là 30.748.073 đồng. Tổng cộng cả đất và tài sản trên đất là: 1.243.048.000 đồng. Bà T đồng ý với giá trị tài sản thừa kế theo kết quả của hội đồng định giá và chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất diện tích đất 79,9m², thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Số nhà B, đường C, tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng (tức thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ tại: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng) và tài sản trên đất vì đó là tài sản của ông Lê Văn K4 để lại cho bị đơn bằng di chúc hợp pháp, bà Lê Thị T không đồng ý vì xác định tài sản trên là di sản của cụ Lê Thị L1 để lại.

Về án phí: Bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà T đồng ý chịu toàn bộ và nộp đủ chi phí thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản là 10.000.000 đồng.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn (anh Lê Duy K) trình bày:* Anh K xác định cụ Lê Thị L1 là bà nội, nhất trí với trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân của cụ L1 và xác định tài sản của cụ L1 nhận chuyển nhượng năm 1990 từ ông Vũ Văn K5 và bà Lê Thị T. Từ năm 1990 thì bố, mẹ của anh K (ông Lê Văn K4 và bà Phạm Thị Đ, chết năm 2007) và anh K sống cùng với cụ L1. Đến ngày 20/5/1995 cụ Lê Thị L1 đã lập văn bản chuyển nhượng có xác nhận của Chủ tịch UBND thị trấn C cho con trai là ông Lê Văn K4. Khi còn sống, hàng năm ông K4 là người nộp thuế đất, khi ông K4 mất thì anh K là người nộp thuế đất. Cuối năm 1996, bố mẹ anh K có đơn chuyển đi nơi khác ở, anh K sống trên thửa đất cùng với bác là ông Lê Công K1. Ngày 02/01/2009 ông K4 đã lập di chúc để lại tài sản là thửa đất trên cho anh Lê Duy K có xác nhận của UBND thị trấn C. Đến ngày 16/01/2009 ông K4 chết. Ngày 09/11/2023 các con ông Lê Văn K4 là Lê Như K2, Lê Thị M3 và Lê Duy K đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó các bên xác nhận Quyền sử dụng diện tích đất 79,9m², thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Số nhà B đường C, tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, Hải Phòng là tài sản riêng của ông Lê Văn K4; ông K4 đã lập di chúc để lại cho anh K nên anh K được hưởng toàn bộ di sản của ông K4 để lại. Như vậy tài sản của cụ L1 đã chuyển

nhượng cho bố anh K (ông Lê Văn K4) nên không còn là tài sản thừa kế của cụ L1 để lại. Vì vậy anh K đề nghị Tòa án bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Đồng thời bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích đất 79,9m² và tài sản trên đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49; tại số nhà B, C, tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C (nay là thôn H C, đặc khu C), thành phố Hải Phòng.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê Công K1, Nguyễn Thị Hải M, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị Hải H1, Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Thị Á, Lê Thị N1, Lê Văn T3, Vũ Văn H2, Vũ Văn M1, Vũ Thị M2, Vũ Thị T4, Vũ Thị H3 thống nhất trình bày: Đồng ý với trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân của cụ Lê Thị L1 và xác định tài sản của cụ L1 nhận chuyển nhượng năm 1990 từ ông Vũ Văn K5 và bà Lê Thị T. Về giấy chuyển nhượng nhà đất lập giữa cụ L1 cho ông Lê Văn K4 thế nào họ không nắm được, tuy nhiên cụ L1 là người không biết chữ nên không thể viết được giấy chuyển nhượng nên đồng ý với nguyên đơn đề nghị chia di sản của cụ L1 để lại theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên không chấp nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lê Minh N3, chị Lê Thanh T5, bà Nguyễn Thị L4, anh Lê Hoàng N2, chị Lê Hoàng Quỳnh A: Xác nhận có mối quan hệ nhân thân với cụ Lê Thị L1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu được chia phần được hưởng giao cho bà Lê Thị N1; đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và từ chối tham gia tố tụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Anh Lê Như K2, chị Lê Thị M3): Xác nhận có mối quan hệ nhân thân với cụ Lê Thị L1; không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì xác định thửa đất và tài sản trên đất cụ L1 đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn K4 và ông K4 đã di chúc toàn bộ di sản này lại cho anh K; đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án tuyên quyền sở hữu của anh K đối với quyền sử dụng đất diện tích đất 79,9m² và tài sản trên đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, tại số nhà B, đường C, tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Đối với ông Hoàng Văn M4 là người ký xác nhận vào giấy chuyển nhượng ngày 20/5/1995 với tư cách Chủ tịch UBND thị trấn C đã có lời khai thể hiện nội dung: Việc tên cụ Lê Thị L1 và Lê Thị N5 ghi trong giấy chuyển nhượng là nhằm lẫn của gia đình, nhưng việc cụ L1 (N5) chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho ông Lê Văn K4 là thể hiện đúng ý chí của các bên, việc chuyển nhượng phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST, ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 131, 691, 705, 707 của Bộ luật Dân sự 1995; khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 của Luật Đất đai năm 1993; các

điều 609, 612, 613, 624, 628, 630, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị T) về việc Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị L1 là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, diện tích 91,6m² (diện tích thực tế là 89,8m²), địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C (nay là thôn H C, đặc khu C), thành phố Hải Phòng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn (anh Lê Duy K) về việc công nhận quyền sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông Lê Văn K4.

Xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 21, tờ bản đồ số 49, diện tích 79,9m² (diện tích thực tế là 89,8m²), địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C (nay là thôn H C, đặc khu C), thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của ông Lê Văn K4 đã lập di chúc để lại cho anh Lê Duy K.

Giao cho anh K được quản lý, sử dụng, anh Lê Duy K có quyền thực hiện các thủ tục hành chính để được giao đất và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án kể cả đối với phần diện tích tăng thêm khoảng 9,9m² nếu phù hợp với quy hoạch và không có tranh chấp nào khác.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2025, nguyên đơn (bà T) có đơn kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST, ngày 29/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hải Phòng.

- Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 29/8/2025 Toà án nhân dân Khu vực 4 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án; đến ngày 03/9/2025 nguyên đơn (bà T) có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về phân chia di sản thừa kế. Bị đơn là cá nhân có địa chỉ nơi cư trú tại thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng, nên Toà án nhân dân Khu vực 4 - Hải Phòng thụ lý giải quyết và xác định đây là vụ án tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

- Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn (bà Lê Thị T):

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì thửa đất số 21, tờ bản đồ số 49, địa chỉ tại thôn H C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc do cụ Lê Thị L1 nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Văn K5 và bà Lê Thị T (con rể và con gái) vào năm 1990. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, cụ Lê Văn T6 đã chết nên có đủ cơ sở để xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên là tài sản riêng của cụ Lê Thị L1.

[4] Ngày 20/5/1995 cụ L1 (Nữ) có lập Giấy chuyển nhượng tài sản từ cụ L1 sang cho ông Lê Văn K4 đối với thửa đất và tài sản trên đất hiện đang có tranh chấp. Giấy chuyển nhượng này có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn C tại thời điểm lập giấy.

[5] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn tiếp tục trình bày và cho rằng cụ L1 không biết chữ, nên Giấy chuyển nhượng đề ngày 20/5/1995 không phải do cụ L1 lập và có dấu hiệu chữ viết, chữ ký trên các tài liệu liên quan do ông Lê Văn K4 thực hiện. Nguyên đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông K4 và cụ L1 trên các tài liệu có liên quan.

[6] Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết. Kết quả giám định xác định chữ viết trong Đơn chuyển nhượng mang tên cụ Lê Thị L1 là chữ viết của ông Lê Văn K4.

[7] Như vậy, có cơ sở xác định nội dung Đơn chuyển nhượng mang tên cụ Lê Thị L1 không phải do cụ L1 trực tiếp viết mà do ông Lê Văn K4 viết.

[8] Xét thấy, việc ông K4 là người đã viết Đơn chuyển nhượng nêu trên nhưng chưa đủ cơ sở để khẳng định giao dịch chuyển nhượng đất là không đúng với ý chí của cụ L1 hoặc Giấy chuyển nhượng bị vô hiệu.

[9] Giấy chuyển nhượng ngày 20/5/1995 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C ký tên và đóng dấu xác nhận. Ông Hoàng Văn M4 là người trực tiếp ký xác nhận với tư cách Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C đã có lời khai xác định việc

xác nhận được thực hiện theo đề nghị của gia đình cụ Lê Thị L1 và thể hiện ý chí chuyển nhượng tài sản (đất) của cụ L1 cho ông Lê Văn K4. Đồng thời, ông M4 cũng xác định việc ghi tên “Lê Thị N5” thay vì “Lê Thị L1” là sự nhầm lẫn, nhưng không làm thay đổi bản chất của việc chuyển nhượng này.

[10] Mặt khác, từ thời điểm lập giấy chuyển nhượng ngày 20/5/1995 cho đến khi cụ L1 chết (năm 1996) thì cụ L1 cũng không có bất cứ văn bản cũng như ý kiến phản đối gì đối với nội dung của Giấy chuyển nhượng này. Và cũng suốt từ thời điểm đó cho đến khi ông K4 chết (năm 2009) thì cũng không có bất cứ ai trong số các đồng thừa kế của cụ L1 có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì về phân chia di sản thừa kế của cụ L1 là nhà và đất đang có tranh chấp trong vụ án.

[11] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong điều kiện thực tế tại thời điểm năm 1995, việc người chuyển nhượng không trực tiếp viết nội dung của giấy chuyển nhượng mà nhờ người khác viết hộ không phải là căn cứ duy nhất để phủ nhận ý chí của người có tài sản chuyển nhượng. Kết quả giám định chỉ xác định người trực tiếp viết nội dung Đơn chuyển nhượng là ông Lê Văn K4, không phải là căn cứ để khẳng định cụ Lê Thị L1 không biết, không đồng ý hoặc không tự nguyện trong việc chuyển nhượng tài sản cho con trai là ông Lê Văn K4.

[12] Xét thấy, việc chuyển nhượng tài sản đã được lập bằng văn bản và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C ký tên, đóng dấu xác nhận; người trực tiếp xác nhận (ông Hoàng Văn M4) vẫn còn sống và đã có lời khai xác định việc chuyển nhượng thể hiện đúng ý chí của các bên trong quan hệ giao dịch. Do đó, kết quả giám định chữ viết tại cấp phúc thẩm là chứng cứ mới cần được xem xét nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án cũng như không đủ căn cứ để phủ nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng tài sản giữa cụ Lê Thị L1 và ông Lê Văn K4.

[13] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, sau khi cụ L1 chết, ông K4 và sau đó là anh K là những người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất. Ông Lê Văn K4 là người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhà, đất trong thời gian ông quản lý, sử dụng tài sản. Những tình tiết này phù hợp với lời trình bày của bị đơn về việc cụ L1 đã chuyển nhượng tài sản cho ông K4 trước khi cụ L1 chết.

[14] Như vậy, có đủ cơ sở xác định trước thời điểm chết, cụ L1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Lê Văn K4. Vì vậy, tài sản đang tranh chấp không còn là di sản thừa kế của cụ L1 để lại. Do đó, yêu cầu của bà Lê Thị T về việc xác định thừa đất và tài sản trên đất là di sản của cụ Lê Thị L1 và yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ chấp nhận.

[15] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện ngày 02/01/2009, ông Lê Văn K4 đã lập di chúc với nội dung để lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho con trai là anh Lê Duy K. Sau khi ông K4 chết, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K4 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản, xác nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là tài sản của ông K4 và không có tranh chấp về việc ông K4 để lại tài sản cho anh K. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của anh K, xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông K4 để lại cho anh K là có căn cứ.

[16] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá chứng cứ đầy đủ, toàn diện; việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án. Vì vậy, không có đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[17] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xét nguyên đơn (bà T) là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn (bà Lê Thị T); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST, ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hải Phòng.

Về án phí: Nguyên đơn (bà Lê Thị T) được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- TAND Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên